

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3162**/2014/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **26** tháng 9 năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ,  
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 742/TTr-STNMT ngày 10/9/2014 về việc ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” (trừ Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ có quy định riêng).

**Điều 2.** Bãi bỏ Quyết định số 3788/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; Mục 65. Di chuyển mồ mã, Phần II, Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản vật kiến trúc trong giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 3638/2011/QĐ-UBND ngày 04/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; các nội dung quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại các văn bản khác của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành có nội dung trùng hoặc trái với Quy định tại Quyết định này.

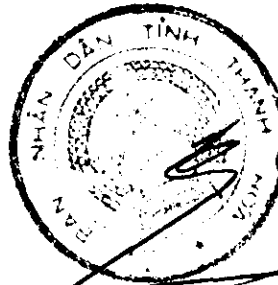
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

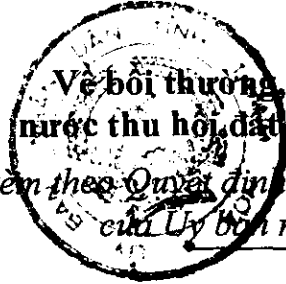
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (QDCD 14-008).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Chiến**



## QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3162 /2014/QĐ-UBND ngày 26 /9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (trừ Khu kinh tế Nghi Sơn).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng;
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất;
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

### Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất (thực hiện điểm a, khoản 3, Điều 3, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP))**

1. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định, thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm xác định khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo hiện trạng, bằng việc lập dự toán thực tế, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể, cơ sở để lập dự toán:

a) Khối lượng do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng lập, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đã cải tạo, đầu tư vào đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

b) Đơn giá bồi thường tài sản vật kiến trúc trong giải phóng mặt bằng (GPMB) hoặc đơn giá xây dựng công trình (đối với những công việc chưa có mức giá trong đơn giá bồi thường) trên địa bàn tỉnh.

2. Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính theo công thức quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

**Điều 4. Mức giao đất ở tái định cư cho từng hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi (thực hiện khoản 2, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì mức giao đất ở tái định cư cho từng hộ gia đình được quy định như sau:

- a) Địa bàn phường thuộc thị xã, thành phố là 60m<sup>2</sup>;
- b) Địa bàn xã (thuộc thị xã, thành phố), thị trấn (thuộc huyện) là 70 m<sup>2</sup>;
- c) Địa bàn xã đồng bằng là 80 m<sup>2</sup>;
- d) Địa bàn xã miền núi là 130 m<sup>2</sup>.

**Điều 5. Bồi thường cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng (thực hiện khoản 3 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

**Điều 6. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình để tính bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện khoản 1 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Mức bồi thường nhà, công trình bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại cộng với một khoản tiền bằng 20% theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó. Nhưng mức bồi thường tối đa không lớn hơn 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

**Điều 7. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (thực hiện khoản 4, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành, thì mức bồi thường được xác định

bằng dự toán theo công trình thực tế bồi thường nhưng không cao hơn mức bồi thường của công trình cùng loại có cấp công trình thấp nhất theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành. Dự toán bồi thường do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB xác lập, trình Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể. Cơ sở để lập dự toán:

- Khối lượng do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB lập (đo vẽ, kiểm kê thực tế).

- Đơn giá bồi thường tài sản vật kiến trúc trong GPMB hoặc đơn giá xây dựng công trình (đối với những công việc chưa có mức giá trong đơn giá bồi thường) trên địa bàn tỉnh.

**Điều 8. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất (thực hiện khoản 2, Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Bồi thường, hỗ trợ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (sau đây gọi là Nghị định số 14/2014/NĐ-CP).

a) Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì được bồi thường bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thực hiện dự án.

Trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai thì được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường so với trường hợp đủ điều kiện bồi thường về đất.

b) Bồi thường, hỗ trợ đối với đất do hạn chế khả năng sử dụng được thực hiện một lần như sau:

Diện tích đất ở hợp pháp được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất ở thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không nhưng không vượt quá hạn mức sử dụng đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thực hiện dự án; mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường so với thu hồi đất ở. Trường hợp đất ở không hợp pháp thì được hỗ trợ bằng 30% so với trường hợp đất ở hợp pháp.

Trên cùng một thửa đất, bao gồm đất ở và các loại đất khác, khi bị hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng

thửa đất ngoài hạn mức đất ở trong hành lang được bồi thường; mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường của loại đất khác đó tính trên diện tích nằm trong hành lang.

c) Trường hợp nhà ở, công trình ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không nhưng nằm giữa hai đường dây dẫn điện trên không điện áp từ 500 KV trở lên, có cường độ điện trường lớn hơn quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ và khoảng cách theo phương nằm ngang giữa hai dây dẫn pha ngoài cùng gần nhất của hai đường dây dẫn điện bé hơn hoặc bằng 60 mét, nếu chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có văn bản đề nghị được ở lại gửi UBND cấp huyện thì được xem xét cho ở lại và được bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất ở, diện tích nhà ở và công trình phụ phục vụ sinh hoạt như đối với đất ở, nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại điểm a và điểm b, khoản này.

d) Đối với cây trồng có trước khi thông báo thực hiện dự án, nếu phải chặt bỏ và cấy trồng mới thì được bồi thường một lần cho loại cây trồng bị chặt bỏ; mức bồi thường bằng 100%. Nếu không phải chặt bỏ thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường một lần đối với loại cây trồng đó; mức bồi thường bằng 70%.

Đơn giá của từng loại cây trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thực hiện dự án.

2. Đối với các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này, tùy mức độ ảnh hưởng và tính chất của công trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

**Điều 9. Mức bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (thực hiện khoản 4, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ (theo khoản 4, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP), thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nới trái phép, nhưng được bồi thường 100% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Phần diện tích cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được cơ quan ra quyết định phân nhà hoặc cơ quan quản lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước tại địa phương cho phép được coi là hợp pháp và được bồi thường. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm xác định chi phí đã đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở bằng cách lập dự toán, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 10. Diện tích đất ở tái định cư đối với trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ (thực hiện khoản 2, Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất hoặc một phần diện tích thửa đất mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng, thì hộ gia đình, cá nhân được bố trí đất ở tái định cư theo diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở tại địa phương.

**Điều 11. Mức bồi thường đối với việc di chuyển mồ mả (thực hiện Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Trường hợp di chuyển lẻ, từng gia đình tự di chuyển thì mức bồi thường được tính cho tất cả các công đoạn, thủ tục di chuyển vào nghĩa trang mới như sau:

a) Mộ đã cải táng: 4.000.000 đồng/mộ.

b) Mộ chưa cải táng tính đến thời điểm kiểm kê <36 tháng: 8.000.000 đồng/mộ.

c) Mộ chưa cải táng tính đến thời điểm kiểm kê  $\geq$  36 tháng: 6.000.000 đồng/mộ.

d) Mộ vô chủ đã cải táng: 1.000.000 đồng/mộ.

2. Trường hợp theo phong tục tập quán tại địa phương hoặc tín ngưỡng được pháp luật công nhận mà mộ không cải táng, khi thực hiện dự án phải di chuyển mộ thì được hỗ trợ theo điểm b hoặc điểm c khoản 1 nêu trên.

3. Trường hợp mộ đã được xây trát, ốp lát thì khối lượng xây trát, ốp lát được bồi thường theo đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Trường hợp di chuyển cả khu vực nghĩa trang, nghĩa địa có quy hoạch thiết kế diện tích riêng được Nhà nước phê duyệt thì chủ đầu tư phải lập quy hoạch khu nghĩa trang nghĩa địa mới phù hợp với yêu cầu di chuyển và toàn bộ chi phí đầu tư cho xây dựng mới.

**Điều 12. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

2. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 70 % giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, tính theo diện tích đất thực tế bị thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động, thời gian trợ cấp là 06 tháng.

5. Định kỳ chi trả tiền hỗ trợ: Trả một lần sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (thực hiện khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

**Điều 14. Hỗ trợ tái định cư (thực hiện khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**



Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà không đến khu tái định cư tập trung theo quy hoạch thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung. Suất đầu tư hạ tầng được xác định theo từng dự án tái định cư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 15. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước (thực hiện Điều 23, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản (theo sổ hộ khẩu), cụ thể: di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ; di chuyển chỗ ở sang tỉnh khác được hỗ trợ 8.000.000 đồng/hộ.

**Điều 16. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn (thực hiện Điều 24, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường theo loại đất bị thu hồi; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước; được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn và chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

**Điều 17. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập lại chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư), thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở, cụ thể theo địa bàn như sau:

a) Địa bàn thành phố Thanh Hoá: Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/tháng/hộ; thời gian hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa là 06 tháng;

b) Địa bàn thị xã Bim Sơn và thị xã Sầm Sơn: Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/tháng/hộ; thời gian hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa là 06 tháng;

c) Các địa bàn còn lại: Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/tháng/hộ; thời gian hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa là 06 tháng.

Các hộ được nhận tiền theo chính sách này sau khi đã bàn giao mặt bằng cho dự án đúng thời hạn quy định.

2. Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở theo quy định tại khoản 6, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi thì được hỗ trợ bằng tiền bằng 50% chênh lệch giữa tiền bồi thường theo đất ở với tiền bồi thường tính theo đất nông nghiệp của thửa đất đó tại thời điểm có quyết định thu hồi đất; diện tích được

hỗ trợ theo diện tích thực tế bị thu hồi và giá đất để xác định tiền hỗ trợ là giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và các quy định nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi theo từng trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của từng dự án. Trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

### **Điều 18. Quy định suất tái định cư tối thiểu (thực hiện Điều 27, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng diện tích đất ở (đã đầu tư hạ tầng) như sau:

- a) Địa bàn phường thuộc thị xã, thành phố là 50 m<sup>2</sup>;
- b) Địa bàn xã (thuộc thị xã, thành phố), thị trấn (thuộc huyện) là 60 m<sup>2</sup>;
- c) Địa bàn xã đồng bằng là 70 m<sup>2</sup>;
- d) Địa bàn xã miền núi là 120 m<sup>2</sup>.

### **Điều 19. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện Điều 91, Luật Đất đai 2013)**

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển tài sản (theo sổ hộ khẩu), cụ thể: di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa được bồi thường 5.000.000 đồng/hộ; di chuyển chỗ ở sang tỉnh khác được bồi thường 8.000.000 đồng/hộ.

2. Tổ chức bị thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ kết quả kiểm kê, đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa và định mức lắp đặt thuộc chuyên ngành, lập phương án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 20. Xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Quy định**

1. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền Quyết định thu hồi đất từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày Quy định này có hiệu lực mà các nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thì áp dụng các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành. Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án chuyển tiếp, nếu có

phát sinh vướng mắc khi thực hiện Quy định này, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

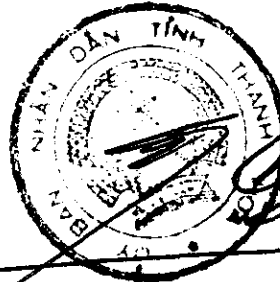
2. Các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không quy định trong Quy định này, được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định của Chính phủ.

### **Điều 21. Điều khoản thi hành**

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Chiến**